



# Chuyển dịch cơ cấu kinh tế Nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2010-2013

*Nguyễn Thị Thu Hằng\**

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã được Đảng và Nhà nước ta xác định là con đường tất yếu để Việt Nam nhanh thoát khỏi tình trạng lạc hậu, chậm phát triển, trở thành một quốc gia văn minh, hiện đại.

Là một tỉnh có tỷ trọng nông nghiệp chiếm khoảng 35% trong GDP, Hà Tĩnh luôn xác định tầm quan trọng của nông nghiệp và tái cơ cấu nông nghiệp đối với tăng trưởng và phát triển của tỉnh. Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới” của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Tĩnh được xây dựng với mục tiêu là chuyển từ sản xuất nông nghiệp theo số

lượng sang chiều sâu nhằm nâng cao giá trị sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân. Qua 4 năm thực hiện tái cơ cấu (2010 - 2013), nền nông nghiệp tỉnh nhà đã có những kết quả rất đáng khích lệ.

*Thứ nhất*, cơ cấu ngành nông nghiệp tổng hợp theo xu hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng lâm nghiệp và ngư nghiệp.

GTSX của ngành nông nghiệp giai đoạn 2010 – 2013 tăng trưởng liên tục với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 16,06% và chuyển dịch theo chiều hướng tốt. Giảm dần tỷ trọng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp so với toàn ngành kinh tế từ 26,65% năm 2010 xuống 19,03% năm 2013.

**Bảng 1:** GTSX và cơ cấu ngành Nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2010-2013

Chỉ tiêu	2010		2011		2012		2013		Ghi chú
	GTSX (Tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	GTSX (Tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	GTSX (Tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	GTSX (Tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	
Tổng số	8.553.937	26,65	11.880.011	28,84	12.339.104	22,65	13.372.365	19,03	So với tổng GTSX toàn ngành kinh tế
Nông nghiệp	7.154.710	83,64	10.003.790	84,21	10.119.547	82,01	10.757.898	80,45	So với tổng số
Lâm nghiệp	505.517	5,91	640.929	5,4	833.616	6,76	1.010.575	7,56	So với tổng số
Thủy sản	893.710	10,45	1.235.292	10,4	1.385.941	11,23	1.603.892	11,99	So với tổng số

*Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Hà Tĩnh năm 2013*

\* Chi cục Thống kê huyện Thạch Hà, Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh

Trong nội bộ ngành nông nghiệp giảm dần nông nghiệp thuần túy và tăng dần tỷ trọng lâm nghiệp và thủy sản. Cụ thể: Nông nghiệp thuần túy từ 83,64% năm 2010, xuống 80,45% năm 2013; lâm nghiệp từ 5,91% năm 2010 lên 7,56% năm 2013; thủy sản từ 10,45% năm 2010 lên 11,99% năm 2013.

Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành lâm nghiệp là 8,54%; tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành thủy sản là 4,71%. Có thể nói, trong cơ cấu toàn ngành nông nghiệp, ngành lâm nghiệp và thủy sản là hai ngành trọng điểm vì có tốc độ phát triển bình quân lớn hơn 1.

*Thứ hai*, chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp thuần túy theo xu hướng giảm dần tỷ trọng trồng trọt, tăng dần tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp.

Trồng trọt và chăn nuôi là hai ngành chủ yếu của nông nghiệp. Trồng trọt cung cấp lương thực, thực phẩm cho xã hội, nguyên liệu cho công nghiệp, thức ăn cho chăn nuôi, sản phẩm cho xuất khẩu. Chăn nuôi cung cấp những sản phẩm có giá trị dinh dưỡng cao như trứng, thịt, sữa... Trong nền kinh tế nông nghiệp truyền thống, trồng trọt chiếm tỷ trọng lớn trong sản xuất nông nghiệp, bởi vì sản phẩm của nó đáp ứng nhu cầu thiết yếu nhất cho đời sống nhân dân. Nhưng khi nền kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được nâng cao, nhu cầu sản phẩm chăn nuôi ngày càng gia tăng làm cho tỷ trọng ngành chăn nuôi có xu hướng tăng thêm. Ở Hà Tĩnh, ngành trồng trọt vẫn giữ vai trò chủ đạo, tỷ trọng ngành chăn nuôi có tăng, nhưng còn chậm.

**Bảng 2:** Cơ cấu GTSX nông nghiệp thuần túy giai đoạn 2010 - 2013

Chỉ tiêu	2010		2011		2012		2013	
	GTSX (Tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	GTSX (Tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	GTSX (Tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	GTSX (Tr.đồng)	Tỷ trọng (%)
Nông nghiệp	7.154.710	100	10.003.790	100	10.119.57	100	10.757.898	100
Trồng trọt	4.429.442	61,91	5.941.312	59,39	5.661.544	55,95	5.804.411	53,95
Chăn nuôi	2.459.431	34,37	3.765.970	37,65	4.043.654	39,96	4.471.531	41,57
Dịch vụ	265.837	3,72	296.508	2,96	414.349	4,09	481.956	4,48

*Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Hà Tĩnh năm 2013*

Tỷ trọng ngành trồng trọt có xu hướng ngày càng giảm từ 61,91% năm 2010 xuống 53,95% năm 2013, có tốc độ tăng trưởng bình quân là 22,42. Tỷ trọng chăn nuôi đã tăng lên từ 34,37% năm 2010 lên 41,57% năm 2013, nhưng tốc độ tăng trưởng bình quân là 22,05% (thấp hơn so với ngành trồng trọt). Tuy nhiên, tính chất chăn nuôi đã có sự thay đổi, chuyển dần từ sản xuất tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hoá gắn với thị trường. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi năm 2013 gấp 1,8 lần so với năm 2010. Có thể nói đây cũng là bước tiến đáng kể trong việc

chuyển dịch cơ cấu ngành trong nông nghiệp. Ngành dịch vụ trong nông nghiệp thuần túy là hình thái mới ngày càng được quan tâm hơn với tốc độ tăng trưởng bình quân là 21,94%, giá trị sản xuất từ 265 triệu đồng năm 2010 lên 481 triệu đồng năm 2013.

*Thứ ba*, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nội bộ ngành trồng trọt theo xu hướng đa dạng hoá cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái của tỉnh.

Trong nội bộ ngành trồng trọt, cơ cấu chủ yếu là giữa cây lương thực với cây công nghiệp rau, quả.

Lương thực là bộ phận cấu thành chủ yếu trong cơ cấu bữa ăn hàng ngày của con người. Lương thực đã và sẽ còn giữ vai trò chủ yếu, lâu dài trong nguồn

thực phẩm mà không thể thay thế được. Tuy nhiên, theo xu hướng hiện nay, rau, quả đang nhu cầu cần thiết trong đời sống mỗi gia đình.

**Bảng 3:** Diện tích, sản lượng một số cây hàng năm giai đoạn 2010 - 2013

Chỉ tiêu	2010		2011		2012		2013	
	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)
1. Lúa cả năm	99.003	414.387	99.084	470.822	99.237	482.251	98.674	479.011
2. Ngô	8.060	27.772	8.713	24.815	6.416	18.576	7.727	26.923
3. Rau các loại	9.677	64.041	9.634	62.669	8.952	57.226	9.800	60.751
4. Lạc	19.414	40.963	17.988	38.487	17.065	35.796	17.299	40.760
5. Cam	2.492	12.975	2.540	14.681	2.294	14.076	2.538	14.276
6. Cây cao su	7.263	1.763	8.231	2.200	10.243	2.580	10.760	2.618

Nguồn: Niên giám Thông kê 2013

Diện tích cây lương thực giảm dần, từ 107.063 ha năm 2010, xuống 106.401 ha năm 2013 (giảm 662 ha). Sản lượng cây lương thực ngày càng cao, từ 442.159 tấn, lên 505.934 tấn (tăng 63.775 tấn). Như vậy, diện tích giảm nhưng sản lượng lại tăng, nguyên nhân là do áp dụng khoa học kỹ thuật về giống, thời vụ và chăm sóc giống cây trồng. Trong đó, cây lúa là cây có tầm quan trọng rất lớn đối với sự phát triển nông nghiệp của tỉnh. Diện tích lúa năm 2013 là 98.574 ha, năng suất cả năm đạt 48,54 tạ/ha, tăng 15,95% so với năm 2011; sản lượng lúa 47,90 vạn tấn. Sản xuất chủ yếu còn 2 vụ: Vụ Xuân, vụ Hè Thu. Vụ Xuân cơ bản còn hai trà: Xuân trung chiếm 22% diện tích, Xuân muộn trên 76% diện tích; Vụ Hè Thu có 2 trà: Hè Thu sớm sử dụng bộ giống thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày; Hè thu chính vụ sử dụng giống có thời gian sinh trưởng 100-115 ngày đạt 21.100 ha, chiếm 22% tổng diện tích, tăng 40% so năm.

Một loại cây trồng mang lại giá trị kinh tế cao cho tỉnh là cây lạc. Năm 2013, diện tích gieo trồng lạc là 17.299 ha, giảm 2.115 ha so với năm 2010; nhưng nhờ có các loại giống mới và phương thức chăm sóc

tiên tiến, năng suất lạc có chiều hướng tăng đạt 23,56 tạ/ha vào năm 2013, tăng 2,46 tạ/ha so với năm 2010; sản lượng đạt 40.760 tấn. Giá trị gia tăng khoảng 39 triệu đồng/ha/vụ; có thể mở rộng diện tích trên những vùng đất lúa cao cường kém hiệu quả. Tuy nhiên, thị trường tiêu thụ chưa ổn định, sản phẩm xuất khẩu dạng sơ chế, chưa có nhà máy chế biến dầu thực vật... Đây cũng là một trong những hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới.

Một số sản phẩm cây lâu năm thuộc dạng “có tiềm” của Hà Tĩnh là Cam búp, bưởi Phúc Trạch cũng là những loại cây ăn quả mang lại giá trị kinh tế cao.

*Thứ tư*, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nội bộ ngành chăn nuôi theo xu hướng chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang trang trại, gia trại tạo khối lượng hàng hoá lớn, năng suất cao, chất lượng tốt, sức cạnh tranh cao, tăng giá trị gia tăng.

Chăn nuôi nông hộ từng bước tổ chức lại theo hướng chăn nuôi có kiểm soát, áp dụng công nghệ về giống, quy trình phòng chống dịch và xử lý môi trường, bảo đảm an toàn sinh học và bền vững;

chuyển dần chăn nuôi từ vùng đồng bằng đến vùng trà sơn, miền núi; hình thành các vùng chăn nuôi cách xa khu dân cư. Chuyển dịch cơ cấu đàn vật

nuôi theo hướng tăng quy mô, số lượng và nâng cao chất lượng các vật nuôi chủ lực: lợn, hươu và gia cầm, phát triển ổn định đàn bò.

**Bảng 4:** Số lượng, cơ cấu gia súc gia cầm giai đoạn 2010 - 2013

Chi tiêu	2010		2011		2012		2013		Ghi chú
	Số lượng (con)	Cơ cấu (%)	Số lượng (con)	Cơ cấu (%)	Số lượng (con)	Cơ cấu (%)	Số lượng (con)	Cơ cấu (%)	
Tổng (1+2)	5.573.386	100	5.468.794	100	5.824.869	100	6.705.818	100	
1. Gia súc	617.086	11,07	582.794	10,66	611.869	10,50	640.518	9,55	So với tổng số
Trâu	94.675	15,34	89.796	15,41	85.974	14,05	78.600	12,27	So với gia súc
Bò	166.346	26,96	159.467	27,36	157.859	25,80	161.888	25,27	So với gia súc
Lợn	356.065	57,70	333.531	57,23	368.036	60,15	400.030	62,46	So với gia súc
2. Gia cầm	4.956.300	88,93	4.886.000	89,34	5.213.000	90,45	6.065.300	90,45	So với tổng số

Nguồn: Niên giám Thống kê 2013

Có thể thấy số lượng gia súc tăng dần qua các năm, tuy nhiên tỷ trọng so với tổng số gia súc, gia cầm lại giảm (chiếm 11,07% năm 2010, xuống 9,55% năm 2013). Trong khi đó, số lượng gia cầm tăng lên, từ 4.956,30 nghìn con năm 2010, lên 6.065,3 nghìn con (tăng 1.109 con). Tỷ trọng gia cầm tăng lên, từ 88,93% năm 2010, lên 90,45% năm 2013.

Đàn lợn phát triển nhanh cả số lượng và chất lượng đàn; năm 2013, ước đạt 400 ngàn con, tăng 12,35% so với năm 2010; tỷ lệ đàn nái chiếm 14,1% tổng đàn, trong đó nái ngoại chiếm 16% tổng đàn nái (năm 2011: 7,5%). Sản lượng thịt hơi xuất chuồng: Năm 2013, ước đạt 57.309 tấn, tăng 33,78% so với năm 2010; thực hiện tái cơ cấu đàn lợn giống theo hướng tạo dòng sản phẩm đồng nhất có năng suất chất lượng cao, xây dựng và đưa vào khai thác 19 cơ sở nuôi lợn nái; trong đó, có 4 trại sản xuất giống lợn chất lượng cao quy mô từ 300-1.200 con.

Đàn bò năm 2013, có 161,89 ngàn con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 6.385 tấn. Hình thức nuôi gia trại, nông hộ; áp dụng quy trình vỗ béo trước

khi giết thịt; xu hướng phát triển đàn bò thịt chất lượng cao ¾ máu ngoại, chuyển từ nuôi kiêm dụng sang nuôi thâm canh chuyên thịt. Tuy vậy, vốn đầu tư lớn, chăn nuôi nông hộ thường dễ phát sinh dịch bệnh ảnh hưởng đến giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Đàn gia cầm có xu hướng tăng, năm 2013 đạt 6,01 triệu con, tăng 22,38% so với năm 2010. Hiện có 1.127 trang trại, gia trại, trong đó có 01 trang trại chăn nuôi gà thịt liên kết với Công ty Jafa quy mô 10.000 con/lứa theo chuỗi giá trị; chăn nuôi trang trại và gia trại chiếm 17% về đầu con, chăn nuôi nông hộ chiếm 83% về đầu con.

Thứ năm, chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành lâm nghiệp

Cơ cấu nội bộ ngành lâm nghiệp tăng lên về giá trị và chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng của trồng rừng ngày càng giảm trong nội bộ ngành, năm 2010 chiếm 16,67% xuống 9,38% vào năm 2013 (giảm 7,29%); trong khi đó tỷ lệ khai thác ngày càng tăng, năm 2010 chiếm 74,11% lên 83,89% vào năm 2013 (tăng 9,78%).

**Bảng 5:** Cơ cấu GTSX nội bộ ngành lâm nghiệp giai đoạn 2010 - 2013

Chỉ tiêu	2010		2011		2012		2013	
	GTSX (Tr.đồng)	Cơ cấu (%)	GTSX (Tr.đồng)	Cơ cấu (%)	GTSX (Tr.đồng)	Cơ cấu (%)	GTSX (Tr.đồng)	Cơ cấu (%)
Tổng	505.517	100	640.929	100	833.616	100	1.010.575	100
Trồng rừng	84.292	16,67	84.296	13,15	86.362	10,36	94.732	9,38
Khai thác	374.650	74,11	494.029	77,08	681.444	81,74	847.819	83,89
Thu nhập sản phẩm từ rừng	33.709	6,67	45.899	7,16	47.921	5,75	48.939	4,84
Dịch vụ lâm nghiệp	12.866	2,55	16.705	2,61	17.889	2,15	19.085	1,89

Nguồn: Niên giám Thống kê 2013

Trong cơ cấu nội bộ ngành lâm nghiệp, ngành khai thác rừng là ngành trọng điểm, có tốc độ phát triển bình quân (17,57%) lớn hơn tốc độ phát triển bình quân của ngành lâm nghiệp (13,52%) vì có hệ số vượt  $K_{KT} > 1$ .

Thứ sáu, chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành thủy sản

Trong cơ cấu ngành thủy sản, nuôi trồng thủy sản có xu hướng ngày càng tăng dần cả về mặt giá trị lẫn tỷ trọng.

**Bảng 6:** Cơ cấu GTSX nội bộ ngành thủy sản giai đoạn 2010 - 2013

Chỉ tiêu	2010		2011		2012		2013	
	GTSX (Tr.đồng)	Cơ cấu (%)	GTSX (Tr.đồng)	Cơ cấu (%)	GTSX (Tr.đồng)	Cơ cấu (%)	GTSX (Tr.đồng)	Cơ cấu (%)
Tổng	893. 710	100	1.235.292	100	1.385.941	100	1.603.892	100
Khai thác	530.637	59,37	713.018	57,72	778.127	56,14	912.881	56,91
Nuôi trồng	338.156	37,84	438.274	35,48	539.214	38,91	612.770	38,21
Dịch vụ	24.917	2,79	84.000	6,8	68.600	4,95	78.241	4,88

Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2013

Trong cơ cấu ngành thủy sản, GTSX khai thác thủy sản ngày càng tăng với tốc độ tăng bình quân là 19,82%. Tuy tỷ trọng khai thác có giảm qua các năm nhưng vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất (năm 2013 chiếm 56,91%). Nuôi trồng thủy sản có xu hướng ngày càng tăng dần về mặt giá trị lẫn tỷ trọng, năm 2013 chiếm 38,21%, tốc độ tăng trưởng bình quân của nuôi trồng thủy sản là 21,92%. Ngành dịch vụ thủy sản ngày càng phát triển mạnh, tuy chiếm tỷ trọng nhỏ trong nội bộ ngành thủy sản, nhưng tốc độ

tăng trưởng bình quân của dịch vụ thủy sản là 46,43%. Trong cơ cấu nội bộ ngành thủy sản, nuôi trồng và dịch vụ thủy sản là ngành trọng điểm cần được chú trọng phát triển, có tốc độ phát triển lớn hơn tốc độ phát triển bình quân của ngành thủy sản (tốc độ phát triển bình quân của ngành thủy sản là 21,52%) vì có hệ số vượt  $K_{NT} > 1$  và  $K_{DV} > 1$ . Từ đó, có thể kết luận rằng: Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành thủy sản tỉnh Hà Tĩnh theo hướng tăng dần tỷ trọng nuôi trồng và dịch vụ thủy sản, giảm dần tỷ

trọng khai thác thủy sản.

Nhìn chung, cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn đã có bước chuyển dịch tích cực theo hướng đẩy mạnh sản xuất các loại nông sản hàng hoá có nhu cầu thị trường và có giá trị kinh tế cao. Trình độ khoa học, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản từng bước được nâng cao theo hướng sử dụng giống mới, công nghệ sinh học, phương thức canh tác tiên tiến để nâng cao chất lượng nông sản, thủy sản. Quan hệ sản xuất được xây dựng ngày càng phù hợp. Kinh tế trang trại đã góp phần đáng kể vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Nhiều công trình thủy lợi đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất, thâm canh, tăng năng suất cây trồng.

Kết quả chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp ở trên là một trong những nguyên nhân quan trọng đưa đến các kết quả, thành tựu tăng trưởng kinh tế khả quan, tạo ra những tiền đề vật chất trực tiếp để Hà Tĩnh tăng trưởng kinh tế, góp phần bảo đảm ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Dưới sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh, các chương trình mục tiêu quốc gia về xoá đói giảm nghèo, chương trình về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cho các vùng khó khăn, các chương trình tín dụng cho người nghèo và chính sách hỗ trợ trực tiếp đã mang lại kết quả rõ rệt. Nông nghiệp Hà Tĩnh đã có những bước phát triển tốt, giá trị xuất khẩu hàng nông sản, lâm sản, thủy sản chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị xuất khẩu hàng hóa của tỉnh (năm 2013 là 92,94%).

**Bảng 7:** Giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông nghiệp giai đoạn 2010 – 2013

Chỉ tiêu	2010		2011		2012		2013	
	Giá trị (nghìn đô la mỹ)	Cơ cấu (%)	Giá trị (nghìn đô la mỹ)	Cơ cấu (%)	Giá trị (nghìn đô la mỹ)	Cơ cấu (%)	Giá trị (nghìn đô la mỹ)	Cơ cấu (%)
Tổng giá trị	64.550		94.543		104.140		125.900	
Hàng nông sản	5.871	9,09	8.231	8,73	7.540	7,24	13.547	10,76
Hàng Lâm sản	41.425	64,18	66.942	70,81	76.483	73,44	99.120	78,73
Hàng thủy sản	5.907	9,15	4.842	5,12	3.282	3,15	4.348	3,45

*Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2013*

Tuy nhiên, các mặt hàng xuất khẩu của tỉnh chủ yếu là sản phẩm thô, cụ thể như chè đen, tinh bột sắn, dăm gỗ, gỗ các loại, hàng may mặc... Và sản phẩm chủ yếu nhất vẫn là gỗ các loại, năm 2010 xuất khẩu 8.184 m<sup>3</sup>, nhưng đến năm 2013 đã xuất khẩu 23.338 m<sup>3</sup>. Xét về thực chất, xuất khẩu của Hà Tĩnh đang dựa vào các sản phẩm thô, thâm dụng tài nguyên, lao động, có giá trị gia tăng thấp. Kinh nghiệm từ các nước chỉ ra rằng, nếu cơ cấu xuất khẩu chỉ tập trung vào một số ngành hàng, đặc biệt là những hàng hoá thô, thì khó có thể đạt mục tiêu tăng trưởng bền vững trên diện rộng.

Hà Tĩnh là một vùng đất có nhiều thuận lợi để phát triển nông nghiệp, dân số sống ở nông thôn chiếm đến 84,53% và có khoảng trên 85,61% dân số sống, lao động làm việc trong ngành sản xuất nông nghiệp (năm 2010). Thế nhưng việc đầu tư vào nông nghiệp chưa được thực sự quan tâm, xét theo cơ cấu vốn đầu tư trên địa bàn phân theo ngành kinh tế thì đầu tư cho nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ngày càng giảm. Năm 2010 là 909 tỷ đồng, chiếm 7,22% tổng vốn; năm 2011 là 1.768 tỷ đồng, chiếm 9,94% tổng vốn, nhưng đến năm 2013 giảm xuống

710 tỷ đồng, chiếm 1,37% tổng vốn. Vì vậy, chưa phát huy hết tiềm năng trong nông nghiệp, nông thôn; tình trạng đầu tư dàn trải; hiệu quả sử dụng vốn chưa cao; một số nơi vẫn xảy ra sai phạm trong quản lý đầu tư khiến vốn đầu tư đã ít lại bị sử dụng một cách lãng phí.

Tuy vẫn còn một số hạn chế nhưng nhìn từ con số thống kê đã phân tích ở trên, có thể khẳng định, định hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng thâm canh, nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế là hướng đi đúng, phù hợp với xu thế của việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Hiện nay, đô thị hoá và công nghiệp hoá đang làm thu hẹp ruộng đất nông nghiệp, nhưng không có nghĩa nông nghiệp hết tương lai trong xã hội hiện đại. Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn là tất yếu để tiếp tục tồn tại và phát triển phù hợp trong bối cảnh mới. Để hạn chế những nhược điểm, phát huy được hết tiềm năng, thế mạnh của địa phương, cần thực hiện những giải pháp sau:

Xây dựng nền nông nghiệp chất lượng cao, giá trị cao. Để làm được điều đó, cần chú trọng đầu tư nghiên cứu và khuyến khích chuyển giao, sử dụng các kết quả khoa học – công nghệ trong nông nghiệp. Tạo ra các giống cây công nghiệp ngắn ngày, cho năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu thời tiết khắc nghiệt và kháng bệnh. Nghiên cứu, phát triển cơ giới hoá khâu canh tác, công nghệ chế biến sau thu hoạch nhằm giảm nhẹ lao động nặng và nâng cao năng suất, gia tăng hàm lượng dinh dưỡng, bảo quản sản phẩm được lâu dài.

Tập trung giải quyết các khâu vốn và thị trường đầu ra. Quy mô kinh tế hộ không có khả năng giải quyết những vấn đề này, mà chỉ có thể là những doanh nghiệp hay tổ chức kinh tế có tiềm lực và sự trợ giúp hiệu quả của chính quyền địa phương như : gắn chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp với chuyển dịch cơ cấu lao động - việc làm nông thôn; đổi mới cơ chế về thủ tục hành chính, cơ chế sang nhượng, cho thuê, chuyển đổi, tích tụ ruộng đất./.

***Tài liệu tham khảo:***

1. Ngô Đình Giao (1994) “Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH nền kinh tế quốc dân”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. GS.TS Nguyễn Đình Phan (1997), “CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn”, Đại học kinh tế quốc dân.
3. PSG.TS Nguyễn Sinh Cúc (9/1996), “Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn giai đoạn 1996 – 2000”, Tạp chí Cộng sản.
4. Đỗ Hoài Nam (1996), “Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành và phát triển các ngành trọng điểm, mũi nhọn ở Việt Nam”, Nxb KH XH-NV, Hà Nội.
5. GS. TS Trần Ngọc Hiền (2002), “Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế”.
6. GS.TS Nguyễn Điền (1997), “Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa Nông nghiệp, nông thôn các nước Châu Á và Việt Nam”.